

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 03/2021/KDTM-GĐT

Ngày 05/02/2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Dũng** và ông **Lê Tự**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hà Thị Mỹ Châu** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông **Nguyễn Xuân Thanh** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng V**; địa chỉ: Số X, Hàng V, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: ông **Trần Trương Duy V** - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch khu vực G (Văn bản ủy quyền số 763/QĐ-BIDV.GL ngày 23/5/2017).

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị T**; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Hồ Văn H**; địa chỉ cư trú: Thôn T, xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 17/9/2012, Ngân hàng V (sau đây viết tắt là Ngân hàng Đầu tư) ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐ cho bà Trần Thị T vay 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), thời hạn vay từ ngày 17/9/2012 đến ngày 17/6/2013.

Để đảm bảo khoản vay trên, bà Trần Thị T và chồng là ông Hồ Văn H thế chấp tài sản của mình là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn

liên với đất số BC 042540 ngày 29/9/2010 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp) theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 14/9/2012. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, tính đến ngày 20/02/2013, bà T trả cho Ngân hàng Đầu tư tiền gốc là 325.000.000 đồng, tiền lãi là 22.088.889 đồng. Khi đến thời hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, Ngân hàng yêu cầu bà T thanh toán số nợ còn thiếu, nhưng bà T không thực hiện.

Nay, Ngân hàng Đầu tư yêu cầu bà Trần Thị T trả nợ còn lại tính đến ngày 20/10/2017 là 127.788.958 đồng; trong đó: nợ gốc là 75.000.000 đồng, nợ lãi vay trong hạn là 44.512.917 đồng và nợ lãi quá hạn là 8.276.041 đồng. Trường hợp bà Trần Thị T không trả được nợ thì Ngân hàng yêu cầu phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn H:

Các đương sự vắng mặt, cũng như không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

- Tại Bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 20/10/2017, Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai quyết định:

Căn cứ Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 715, Điều 716, Điều 717 và Điều 721 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 90, Điều 91, Điều 94, Điều 95 và Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 1 Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn tổ chức vay bằng đồng Việt Nam đối với khách hàng theo lãi suất thỏa thuận; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng V.

Buộc bà Trần Thị T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng V, thông qua Chi nhánh Ngân hàng V - Chi nhánh Gia Lai toàn bộ khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2012/HĐ ngày 17-9-2012, tính đến ngày 20-10-2017 là 127.788.958 đồng. Trong đó, dư nợ gốc là 75.000.000 đồng, nợ lãi vay trong hạn là 44.512.917 đồng và nợ lãi quá hạn là 8.276.041 đồng.

Việc tính lãi và cả lãi suất nợ quá hạn đối với các khoản vay của tổ chức tín dụng phải theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng. Khi tính lãi chỉ tính lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án, mà không tính lãi của số tiền lãi chưa trả trong quá trình thi hành án.

Trường hợp bà Trần Thị T không trả được nợ gốc và nợ lãi nêu trên cho Ngân hàng V, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án phát mại tài sản gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ ngày 14-9-2012 đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042540 do Ủy ban nhân dân huyện G cấp ngày 29-9-2010 mang tên Hồ Văn H và Trần Thị T để đảm bảo việc thu hồi nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền, nghĩa vụ thi

hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 16/11/2017, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại.

- *Tại Bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 02/2018/KDTM-PT ngày 01/3/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quyết định:*

Căn cứ khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Hủy bản án Kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa nguyên đơn Ngân hàng V với bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn H.

- Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai giải quyết lại theo thủ tục chung.

- Tại Công văn số 01/2018/KN-GĐT ngày 23/3/2018, Chánh án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai kiến nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng kháng nghị giám đốc thẩm, theo hướng hủy bản án kinh doanh, thương mại phúc thẩm, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2020/KN-KDTM ngày 11/9/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử giám đốc thẩm, hủy toàn bộ Bản án Kinh doanh, thương mại phúc thẩm số 02/2018/KDTM-PT ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai và giữ nguyên Bản án Kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử giám đốc thẩm chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Đối với khoản vay theo hợp đồng tín dụng:

Ngày 17/9/2012, Ngân hàng Đầu tư ký Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2010/HĐ, trong đó cho hộ kinh doanh bà Trần Thị T vay là 400.000.000 đồng, mục đích vay nhận tiền ứng mua cà phê của các hộ nông dân, thời hạn vay 09 tháng tính từ ngày 17/9/2012 đến ngày 17/6/2013, lãi suất vay tại thời điểm là 12%/năm, ngày 19/9/2012, bà Trần Thị T đã nhận đủ tiền vay. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà Trần Thị T trả cho Ngân hàng Đầu tư tiền gốc là 325.000.000 đồng, tiền lãi là 22.088.889 đồng; tính đến ngày 20/10/2017, còn nợ gốc là 75.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 44.512.917 đồng, nợ lãi quá hạn là 8.276.041 đồng nhưng bà T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm hợp đồng tín dụng.

[2]. Đối với trách nhiệm trả nợ:

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: “Theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐ giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Gia Lai - PGD G với Hộ kinh doanh Trần Thị T, thì bên vay tài sản là Hộ kinh doanh Trần Thị T và theo nội dung Giấy ủy quyền ngày 19/9/2012 tại Phòng Công chứng Xuân Thủy thì ông Hồ Văn H là chồng bà T, đồng thời là thành viên Hộ kinh doanh Trần Thị T, có ủy quyền cho bà Trần Thị T đại diện cho Hộ sản xuất kinh doanh Trần Thị T ký kết hợp đồng vay vốn với Ngân hàng; ngoài ra, theo Biên bản xác minh ngày 02/01/2018 của Tòa án tỉnh Gia Lai (bút lục số 187), thì gia đình hộ bà Trần Thị T còn có các con là chị Hồ Thị Hải, sinh năm 1989 và anh Hồ Văn Quân, sinh năm 1991 là Sĩ quan thuộc Quân đoàn 3. Ông H, chị Hải và anh Quân đều là thành viên hộ gia đình với bà T, nhưng Tòa cấp sơ thẩm chưa làm rõ để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm cơ sở xác định nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 103, Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, mà chỉ tuyên một mình bà T trả nợ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự” là chưa chính xác, bởi lẽ: Khoản 1 Điều 49 Nghị định số 43/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định: “Hộ kinh doanh do một cá nhân là công dân Việt Nam hoặc một nhóm người hoặc một hộ gia đình làm chủ, chỉ được đăng ký kinh doanh tại một địa điểm, sử dụng không quá mười lao động, không có con dấu và chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình đối với hoạt động kinh doanh”. Đối chiếu với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh số 39F8-00210 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/3/2012, thể hiện tại Mục 1. Tên hộ kinh doanh: Trần Thị T ... 5. Hộ và tên đại diện hộ kinh doanh: Trần Thị T ... 6. Danh sách cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh (không có ghi tên thành viên nào) và tại Biên bản xác minh ngày 11/5/2020, Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện G khẳng định: “Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ gia đình số 39F8-00210 do Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện G, tỉnh Gia Lai cấp ngày 30/3/2012 thể hiện hộ kinh doanh Trần Thị T và tại danh sách mục cá nhân góp vốn thành lập hộ kinh doanh thì không thể hiện ai. Như vậy, trong trường hợp này hộ kinh doanh Trần Thị T là cá nhân bà Trần Thị T...”. Từ các chứng cứ trên có cơ sở để xác định hộ kinh doanh Trần Thị T chỉ do một cá nhân là bà Trần Thị T làm chủ, do đó việc bên vay Hộ kinh doanh Trần Thị T ký kết Hợp đồng tín dụng ngày 17/9/2012 là với tư cách cá nhân bà Trần Thị T.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà Trần Thị T trả cho Ngân hàng Đầu tư tính đến ngày 20/10/2017 là 127.788.958 đồng, trong đó nợ gốc là 75.000.000 đồng, nợ lãi vay trong hạn là 44.512.917 đồng và nợ lãi quá hạn là 8.276.041 đồng theo Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2012/HĐ ngày 17/9/2012 là có căn cứ.

[3]. Đối với việc xử lý tài sản thế chấp bảo đảm tiền vay:

Ngày 14/9/2012, vợ chồng bà Trần Thị T, ông Hồ Văn H ký Hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2012/HĐ, thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại xã I, huyện G, tỉnh Gia Lai được Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 042540 ngày 29/9/2010 để bảo lãnh cho nghĩa vụ trả nợ vay của hợp đồng

tín dụng nêu trên. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Bà Trần Thị T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là đúng quy định tại Điều 299 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tòa án cấp phúc thẩm nhận định: “*Tại biên bản xác minh ngày 20/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện G do ông Nguyễn Quốc Khương - Thôn trưởng thôn T cung cấp: Bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn H có đăng ký HKTT và cư trú tại thôn T, xã I, huyện G, nhưng hiện nay không có mặt tại địa phương, đi đâu thì địa phương không biết vì khi đi bà T, ông H không thông báo cho địa phương, nhưng Tòa án sơ thẩm không niêm yết công khai văn bản tố tụng tại nơi cư trú để bà T, ông H biết tham gia giải quyết vụ án là không đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, ảnh hưởng đến quyền lợi của đương sự*”. Tuy nhiên, các tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện, Tòa án sơ thẩm đã thực hiện việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho bà Trần Thị T, ông Hồ Văn H nhưng không thể cấp tổng đạt được, vì ông T, bà H vắng mặt tại nơi cư trú mà không rõ thời điểm trở về, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã lập Biên bản về việc không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và đã tiến hành niêm yết công khai văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó nhận định nêu trên của Tòa án cấp phúc thẩm là không có cơ sở.

Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật, Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm với các lý do nêu trên là không có căn cứ. Vì vậy, cần hủy toàn bộ bản án Kinh doanh thương mại phúc thẩm, nguyên bản án Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.
- Ngân hàng V không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 343 và Điều 344 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 08/2020/KN-KDTM ngày 11/9/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 02/2018/KDTM-PT ngày 01/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai về vụ án “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, giữa nguyên đơn là Ngân hàng V với bị đơn là bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hồ Văn H.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2017/KDTM-ST ngày 20/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Bà Trần Thị T phải chịu 6.389.448 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng V không phải chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng V 3.072.068 đồng đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000347 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

4. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng giám đốc thẩm ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TANDTC - Vụ II;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện huyện G, tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THA huyện G, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án; Phòng GĐKT II, HCTP và LTHS.

**TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Cường